

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**  
Km77+500, X.Kim Liên - H.Kim Thành - T.Hải Dương  
**Tel : 02203 560641 - Fax : 02203 560642**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ III-NĂM 2023**

❖ **Bao gồm:**

- |                                 |                 |
|---------------------------------|-----------------|
| - Bảng cân đối kế toán          | Mẫu số B01 - DN |
| - Kết quả hoạt động kinh doanh  | Mẫu số B02 - DN |
| - Lưu chuyển tiền tệ            | Mẫu số B03 - DN |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B04 - DN |

**HẢI DƯƠNG, NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>791.731.773.517</b>	<b>381.195.918.646</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.603.070.498</b>	<b>1.123.716.537</b>
1. Tiền	111	V.01	4.603.070.498	1.123.716.537
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>119.766.953.487</b>	<b>82.766.953.487</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9.766.953.487	9.766.953.487
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		110.000.000.000	73.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>387.278.627.502</b>	<b>99.026.971.125</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		454.023.629.491	166.525.761.531
2. Trả trước cho người bán	132		74.264.654	50.073.473
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.03	9.283.795.710	8.554.198.474
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(76.103.062.353)	(76.103.062.353)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>273.346.986.752</b>	<b>197.333.944.826</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	273.847.443.023	197.834.401.097
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(500.456.271)	(500.456.271)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.736.135.278</b>	<b>944.332.671</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.381.135.278	944.332.671
3. Thuế và các khoản phải thu khác NN	154	V.05	355.000.000	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>208.660.222.327</b>	<b>222.114.003.691</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>208.660.222.327</b>	<b>222.114.003.691</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	208.660.222.327	222.114.003.691
- Nguyên giá	222		521.746.255.548	521.746.255.548
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(313.086.033.221)	(299.632.251.857)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		159.462.000	159.462.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(159.462.000)	(159.462.000)
<b>Tổng công tài sản</b>	<b>270</b>		<b>1.000.391.995.844</b>	<b>603.309.922.337</b>

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>861.342.852.923</b>	<b>464.872.281.088</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>861.342.852.923</b>	<b>456.877.407.103</b>
1. Phải trả cho người bán	311		680.009.175.213	302.391.292.288
2. Người mua trả tiền trước	312		2.450	-
3. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	-	-
4. Phải trả người lao động	314		114.307.120	178.669.002
5. Chi phí phải trả	315	V.17	-	220.571.529
6. Phải trả nội bộ	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.18	37.114.239.771	5.165.739.771
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		143.993.871.676	148.809.877.820
11. Dự phòng phải trả phải ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		111.256.693	111.256.693
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>7.994.873.985</b>
1. Phải trả dài hạn cho người bán	331		0	7.994.873.985
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>V.22</b>	<b>139.049.142.921</b>	<b>138.437.641.249</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>139.049.142.921</b>	<b>138.437.641.249</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		190.000.000.000	190.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(50.950.857.079)	(51.562.358.751)
- LN chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		-51.562.358.751	22.365.973.341
- LN chưa phân phối kỳ này	421b		611.501.672	-73.927.996.734
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>Tổng công nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>1.000.391.995.844</b>	<b>603.309.922.337</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

  
Nguyễn Thị Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

  
Lê Thu Phương

Ngày 19 tháng 10 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Đặng Ngọc Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính)**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.000.221.329.446	952.394.892.050	2.484.984.382.646	1.866.724.271.323
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.430.740.500	1.502.495.000	7.968.461.500	5.308.668.800
+ Chiết khấu thương mại	02A					0
+ Giảm giá hàng bán	02B					0
+ Hàng bán bị trả lại	02C		4.430.740.500	1.502.495.000	7.968.461.500	5.308.668.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		995.790.588.946	950.892.397.050	2.477.015.921.146	1.861.415.602.523
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	994.280.016.106	949.642.867.399	2.459.151.255.737	1.853.625.225.419
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.510.572.840	1.249.529.651	17.864.665.409	7.790.377.104
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.107.977.076	289.695.103	1.884.125.857	957.843.676
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	4.535.867.903	1.835.095.750	16.354.174.905	6.067.639.995
Trong đó: Chi phí lãi đi vay	23		2.979.830.248	1.837.839.409	8.670.235.570	5.133.218.470
8. Chi phí bán hàng	24		147.439.326	149.574.456	390.289.808	534.886.032
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		709.601.901	916.164.580	2.503.824.881	2.280.735.718
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		-2.774.359.214	-1.361.610.032	500.501.672	-135.040.965
11. Thu nhập khác	31		-	0	111.000.000	162.000.152
12. Chi phí khác	32		-	-	0	167.593
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0	111.000.000	161.832.559
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		-2.774.359.214	-1.361.610.032	611.501.672	26.791.594
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	-	0	0	277.713.844
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		-2.774.359.214	-1.361.610.032	611.501.672	-250.922.250
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

*Nguyễn Thị Ngọc Hương*  
Nguyễn Thị Ngọc Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

*Nguyễn Thị Ngọc Hương*  
Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ngày 19 tháng 10 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



*Nguyễn Thị Ngọc Hương*  
Nguyễn Thị Ngọc Hương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SXKD</b>				
1. Tiền thu bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		2.058.654.896.012	1.569.025.688.941
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		-2.000.885.843.184	-1.572.077.659.120
3. Tiền chi trả cho công nhân viên	03		-1.124.309.350	-867.964.997
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-9.497.166.982	-5.133.218.470
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-355.000.000	-614.742.080
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		18.256.693.090	13.375.240.000
9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-23.441.810.446	-13.202.022.952
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>41.607.459.140</b>	<b>-9.494.678.678</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ & các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các CC nợ của đơn vị khác	23		-37.000.000.000	(32.000.000.000)
4. Tiền thu cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		3.687.900.965	2.006.268.751
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-33.312.099.035</b>	<b>-29.993.731.249</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		356.339.018.889	305.230.447.023
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-361.155.025.033	-265.680.581.495
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-4.816.006.144</b>	<b>39.549.865.528</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.479.353.961</b>	<b>61.455.601</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.123.716.537</b>	<b>302.940.296</b>
ảnh hưởng của thay TGHD quy đổi ngoại tệ				
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>4.603.070.498</b>	<b>364.395.897</b>

Ngày 19 tháng 10 năm 2023

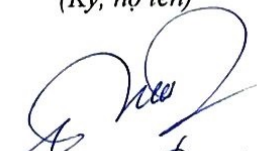
NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

  
Nguyễn Thị Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

  
Lê Thu Phương

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

  
  
Đặng Ngọc Hồng

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Ngày 30 tháng 09 năm 2023*

### **I./ Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**

**1- Hình thức sở hữu vốn:** *Cổ phần.*

**2- Lĩnh vực kinh doanh:** *Sản xuất, thương mại, dịch vụ.*

**3- Ngành nghề kinh doanh:**

- *Sản xuất mua bán phôi thép; sản xuất mua bán các sản phẩm kim loại; sản xuất mua bán các vật liệu xây dựng.*

- *Khai thác, mua bán, chế biến khoáng sản (quặng sắt, quặng man gan, bô xít nhôm, fero, than cốc, than điện cực).*

- *Kinh doanh dịch vụ kho bãi; cân thuê; mua bán xe ô tô, xe máy, thiết bị máy công trình.*

- *Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng*

- *Sản xuất, mua bán giày giép, mua bán hàng nông, lâm, thủy hải sản.*

**4- Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

### **II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1- Kỳ kế toán năm:** *Bắt đầu từ ngày 01/01/2023 Kết thúc vào ngày 31/12/2023*

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** *Đồng Việt Nam (Ký hiệu là VNĐ)*

### **III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1- Chế độ kế toán áp dụng.**

*Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT/BTC, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.*

**2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.**

*Công ty đang áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành.*

**3- Hình thức áp dụng kế toán.**

*Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.*

### **IV- Các chính sách kế toán áp dụng**

**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

*Tiền mặt, tiền gửi.*

*Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:*

*Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản tiền có gốc ngoại tệ được Công ty quy đổi theo tỷ giá tại ngân hàng giao dịch.*

*Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ & chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.*

**2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:**

- *Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.*

- *Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Km 77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2023*

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

• Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

• Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **3- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

+ Hàng tồn kho được đánh giá theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí thu mua & các chi phí và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

+ Các khoản chiết khấu thương mại & giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

+ Chi phí bán hàng & Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### **4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :**

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính);

+ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó

+ Nguyên giá tài sản cố định được xác định một cách đáng tin cậy.

+ Thời gian sử dụng trên một năm.

+ Tài sản có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy luật hiện hành.

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính).

Theo chế độ quản lý tài sản qui định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/04/2023.

Công ty trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

### **5- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: (Công ty không có BĐS đầu tư)**

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư;

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

### **6- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Km 77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2023*

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.  
Theo phương pháp giá gốc.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác;
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

### **7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay;
- Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ.
- Chi phí trả trước;
- Chi phí khác;
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước;
- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại.

### **8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

### **9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.**

- Đơn vị có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến yêu cầu phải thanh toán.
- Đề ra một ước tính đáng tin cậy.

### **10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của CSH.
  - + *Vốn đóng góp của các nhà đầu tư để thành lập mới hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh.*
  - + *Thặng dư vốn cổ phần do phát hành cổ phiếu cao hơn hoặc thấp hơn mệnh giá.*
  - + *Các khoản nhận biếu tặng, tài trợ.*

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản (*Đơn vị không đánh giá lại tài sản*).

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

*Đơn vị hạch toán chênh lệch tỷ giá theo chuẩn mực số 10 ban hành theo QĐ 165/2002/QĐ-BTC và thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của bộ tài chính.*

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

*Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc các năm trước.*

### **11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

+ *Đơn vị đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hoá cho người mua.*

+ *Đơn vị không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá, quyền kiểm soát hàng hoá.*

+ *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*

+ *Đơn vị đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch bán hàng.*

+ *Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.*

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi:

+ *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*

+ *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

+ *Xác định được phần công việc đã hoàn thành.*



## CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Km 77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2023

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Doanh thu hoạt động tài chính;

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

- Các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính

- Các khoản chi phí cho vay và đi vay vốn.

- Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chiết khấu ngắn hạn.

- Chi phí giao dịch bán chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

### 13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Đơn vị hạch xác định theo chuẩn mực số 17 ban hành theo QĐ 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

### 15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

#### \* Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

- Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo phân loại là:

+ Tài sản ngắn hạn nếu có thời hạn thanh toán dưới một năm.

+ Tài sản dài hạn nếu có thời hạn thanh toán trên một năm

- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong năm đơn vị không có khoản phải thu nào cần phải lập dự phòng.

#### \* Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại như sau:

- Nợ ngắn hạn nếu có thời hạn thanh toán dưới một năm.

- Nợ dài hạn nếu có thời hạn thanh toán trên một năm.

#### \*Phân phối lợi nhuận:

Lợi nhuận của đơn vị trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông (nộp về đơn vị cấp trên) phải trích lập các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển; quỹ dự phòng tài chính; quỹ khen thưởng, phúc lợi cho những năm sau cho đến khi đạt mức quy định. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình đại hội cổ đông quyết định cho từng năm. Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo thời gian từ 06 tháng đến 01 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/09/2023

**VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong: Bảng cân đối kế toán**

DVT: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>01- Tiền</b>		
- Tiền mặt	2.024.589.500	874.955.577
- Tiền gửi ngân hàng	2.578.480.998	248.760.960
<b>Cộng</b>	<b>4.603.070.498</b>	<b>1.123.716.537</b>
<b>02- Các khoản đầu tư tài chính:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
a) Chứng khoán kinh doanh	9.766.953.487	9.766.953.487
- Đầu tư cổ phiếu	9.766.953.487	9.766.953.487
- Đầu tư trái phiếu	-	-
- Dự phòng giảm chứng khoán	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	110.000.000.000	73.000.000.000
- Ngắn hạn	110.000.000.000	73.000.000.000
- Dài hạn	-	0
<b>03- Phải thu khách hàng:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- <b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>454.023.629.491</b>	<b>166.525.761.531</b>
Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	369.371.739.126	1.778.007.624
Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên - NM luyện thép LX	0	0
Công ty TNHH Chung Lý	82.272.443	1.017.209.218
Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng	413.134.200	87.540.493.970
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	6.577.699.755	67.309.382
Công ty cổ phần luyện gang Vạn Lợi	76.103.062.353	76.103.062.353
Công ty Cổ phần đầu tư LE MONT	-	0
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thượng Đình GROUP	0	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Le Mont	-	0
Các khách hàng khác	1.475.721.614	19.678.984
- <b>Dự phòng phải thu khó đòi</b>	<b>(76.103.062.353)</b>	<b>(76.103.062.353)</b>
<b>04- Trả trước cho người bán :</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Trả trước cho người bán	74.264.654	50.073.473
<b>05- Phải thu khác :</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải thu khác	9.283.795.710	8.554.198.474
<b>Cộng</b>	<b>9.283.795.710</b>	<b>8.554.198.474</b>
<b>05- Tài sản thiếu chờ xử lý</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>06- Nợ xấu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>07- Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	38.637.715.648	933.418.883

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/09/2023*

- Công cụ, dụng cụ	9.049.650.453	9.049.650.453
- Chi phí SX, KD dở dang	-	-
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hoá	226.160.076.922	187.851.331.761
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(500.456.271)	(500.456.271)
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>273.346.986.752</b>	<b>197.333.944.826</b>

\* Giá trị hàng tồn ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ, nguyên nhân và hướng xử lý;

\* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả;

\* Lý do dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**08- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Số đầu năm</b>	<b>521.746.255.548</b>	<b>(299.632.251.857)</b>	<b>222.114.003.691</b>
Khấu hao trong năm		(13.453.781.364)	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>521.746.255.548</b>	<b>(313.086.033.221)</b>	<b>208.660.222.327</b>

**09- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Số đầu năm</b>	<b>159.462.000</b>	<b>(159.462.000)</b>	
Khấu hao trong năm			
<b>Số cuối năm</b>	<b>159.462.000</b>	<b>(159.462.000)</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/09/2023

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>10- Vay và nợ thuê tài chính</b>		
- Vay ngắn hạn ngân hàng Vietinbank-Thái Nguyên	64.000.000.000	63.328.667.020
- Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV-Hải Dương	79.993.871.676	85.481.210.800
- Vay dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>143.993.871.676</b>	<b>148.809.877.820</b>
<b>11- Phải trả người bán</b>		
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	<b>680.009.175.213</b>	<b>302.391.292.288</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	30.781.682.109	88.375.949.575
Công ty TNHH MTV LOGISTICS Thái Hưng	1.583.192.614	5.267.193.029
Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	124.034.158.485	10.500.241.750
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL	73.819.612.006	85.666.351.886
Công ty cổ phần kim khí Bắc Thái	-	51.647.966.453
Công ty CP Đầu tư Eco Valley Việt Nam	62.898.629.964	60.888.154.184
Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	386.891.900.035	-
Các nhà cung cấp khác	0	45.435.411
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	<b>0</b>	<b>7.994.873.985</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	0	7.994.873.985
<b>Cộng</b>	<b>680.009.175.213</b>	<b>310.386.166.273</b>
<b>12- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>		
a) Phải nộp		
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>13- Chi phí phải trả</b>		
- Chi phí lãi suất phải trả	0	220.571.529
- Chi phí bảo lãnh	-	-
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>220.571.529</b>
<b>14- Phải trả khác</b>		
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	114.239.771	165.739.771
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	5.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	37.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>37.114.239.771</b>	<b>5.165.739.771</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/09/2023

**25- Vốn chủ sở hữu****a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	CL tỷ giá hối đoái	Cộng
A	1	2	3	6	9
<b>Số dư đầu kỳ năm trước</b>	<b>190.000.000.000</b>	-	<b>0</b>	-	<b>190.000.000.000</b>
- Lợi nhuận đầu năm trước	22.365.637.983				22.365.637.983
- Lỗ trong năm trước	-73.927.996.734	-		-	-73.927.996.734
- Giảm khác				-	0
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>138.437.641.249</b>	-	<b>0</b>	-	<b>138.437.641.249</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>138.437.641.249</b>	-	<b>0</b>	-	<b>138.437.641.249</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-		-		-
- Lợi nhuận trong năm nay	611.501.672				611.501.672
- Giảm khác	0		0		0
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>139.049.142.921</b>	-	<b>0</b>	-	<b>139.049.142.921</b>

**b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Nguyễn Duy Luân	16.680.000.000	16.680.000.000
Ông Phạm Bá Phú	9.760.000.000	9.760.000.000
Ông Đặng Ngọc Hưng	11.260.000.000	11.260.000.000
Ông Trần Nguyên Hưng	9.680.000.000	9.680.000.000
Ông Trần Văn Hiếu	9.680.000.000	9.680.000.000
Các cổ đông khác	132.940.000.000	132.940.000.000
<b>Cộng</b>	<b>190.000.000.000</b>	<b>190.000.000.000</b>

\* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

\* Số lượng cổ phiếu quỹ:

**c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nh**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	190.000.000.000	190.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	190.000.000.000	190.000.000.000
+ <b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>190.000.000.000</b>	<b>190.000.000.000</b>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**e- Các quỹ của doanh nghiệp:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	111.256.693	111.256.693
- Quỹ dự phòng tài chính	84.020.227	84.020.227
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27.236.466	27.236.466
+ Quỹ khen thưởng		
+ Quỹ phúc lợi		

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/09/2023

**VII- Thông tin bổ xung cho các khoản mục trình bày trong: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***DVT: VND*

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.484.984.382.646</b>	<b>1.866.724.271.323</b>
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	2.477.282.993.896	1.835.808.377.370
- Doanh thu bán thành phẩm	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.701.388.750	30.915.893.953
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	-	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính;	-	-
<b>2- Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>7.968.461.500</b>	<b>5.308.668.800</b>
Trong đó:	-	-
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	7.968.461.500	5.308.668.800
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất khẩu	-	-
<b>3- Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	2.440.405.342.001	1.819.155.281.559
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.745.913.736	34.469.943.860
- Giá vốn của nguyên vật liệu	-	-
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư	-	-
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	-	-
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.459.151.255.737</b>	<b>1.853.625.225.419</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/09/2023

**4- Doanh thu hoạt động tài chính**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi bán các khoản đầu tư
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi bán ngoại tệ
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lãi bán hàng trả chậm
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

**Cộng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.884.004.161	957.808.173
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi bán ngoại tệ	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	121.696	35.503
<b>Cộng</b>	<b>1.884.125.857</b>	<b>957.843.676</b>

**5- Chi phí tài chính**

- Lãi tiền vay
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Lỗ chênh lệch tỷ giá
- Chi phí LC, bảo lãnh, lãi trả chậm
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- Chi phí tài chính khác

**Cộng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	8.670.235.570	5.133.218.470
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
- Lỗ bán ngoại tệ	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
- Chi phí LC, bảo lãnh, lãi trả chậm	7.679.808.776	930.290.966
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Chi phí tài chính khác	4.130.559	4.130.559
<b>Cộng</b>	<b>16.354.174.905</b>	<b>6.067.639.995</b>

**6- Thu nhập khác**

- Thanh lý nhượng bán tài sản
- Lãi do đánh giá lại tài sản
- Tiền phạt thu được
- Thuế được giảm
- Các khoản khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý nhượng bán tài sản	-	-
- Lãi do đánh giá lại tài sản	-	-
- Tiền phạt thu được	-	-
- Thuế được giảm	-	-
- Các khoản khác	111.000.000	162.000.152

**7- Chi phí khác**

- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý
- Các khoản khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý	-	-
- Các khoản khác	-	167.593

**8- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý**

- a) Các khoản chi phí QLDN
- b) Các khoản chi phí bán hàng
- b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, CP QLDN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a) Các khoản chi phí QLDN	2.503.824.881	2.280.735.718
b) Các khoản chi phí bán hàng	390.289.808	534.886.032
b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, CP QLDN	-	Trang 10 -

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

Địa chỉ: Km77+500, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, Hải Dương  
 Điện thoại: 0320 3560641 Fax: 0320 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho đến ngày 30/09/2023*

- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Chi phí khác bằng tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.894.114.689</b>	<b>2.815.621.750</b>

**VIII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

**IX- Những thông tin khác**

- 1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- 2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- 3- Thông tin về các bên liên quan:
- 4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận"(2):
- 5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):
- 6- Thông tin về hoạt động liên tục:
- 7- Những thông tin khác. (3):

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Thị Ngân

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Lê Thu Phương

Lập, ngày 19 tháng 10 năm 2023

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Dặng Ngọc Hương*